HƯỚNG DẪN TRA CỨU VỀ THUẾ NHẬP KHẨU, THUẾ XUẤT KHẨU TRONG HIỆP ĐỊNH EVFTA

Nguyễn Sơn Trà

Phó Trưởng Phòng WTO và Đàm phán thương mại,

Vụ Chính sách thương mại đa biên, Bộ Công Thương

Chương 2 – Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

- Đối xử quốc gia
- Hàng tân trang
- Cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan đối với thuế nhập khẩu
- Hợp tác về hải quan để thực thi và kiểm soát các ưu đãi thuế quan
- Thuế xuất khẩu
- Hạn chế xuất khẩu và nhập khẩu
- Thủ tục cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu
- Xóa bỏ các biện pháp phi thuế quan theo ngành

Điều 2.7 về cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan đối với hàng nhập khẩu

- Mỗi Bên phải cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ từ bên kia theo Tiểu phụ lục 2-A-1 và 2-A-2; không được tăng thuế vượt quá múc đã cam kết
- Có thể đơn phương đẩy nhanh việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan
- Có thể yêu cầu tham vấn để xem xét đẩy nhanh hoặc mở rộng phạm vi cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan đang áp dụng theo Biểu cam kết

Điều 2.11 về thuế xuất khẩu

Mỗi Bên không được duy trì hoặc áp dụng bất kỳ loại thuế hải quan, thuế và các khoản thu nào khác đối với việc xuất khẩu hàng hóa sang Bên kia, trừ các hàng hóa được quy định tại Tiểu phụ lục 2-A-3

Nếu một Bên áp dụng thuế xuất khẩu thấp hơn Biểu cam kết thì mức thuế thấp hơn được áp dụng. Không áp dụng khi 1 Bên dành sự đối xử ưu đãi hơn cho bên thứ 3 theo 1 thỏa thuận ưu đãi thương mại

Có thể yêu cầu tiến hành rà soát khi một Bên dành sự đối xử ưu đãi hơn cho bên thứ 3 theo 1 thỏa thuận ưu đãi thương mại

Phụ lục 2-A về cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan

- Mục A – Các điều khoản chung
- Mục B – Hạn ngạch thuế quan
- Tiểu phụ lục 2-A-1 Biểu cam kết thuế nhập khẩu của EU
- Tiểu phụ lục 2-A-2 Biểu cam kết thuế nhập khẩu của Việt Nam
- Tiểu phụ lục 2-A-3 Biểu cam kết thuế xuất khẩu của Việt Nam
- Tiểu phụ lục 2-A-4 Các biện pháp cụ thể của Việt Nam về quản lý nhập khẩu và xuát khẩu hàng hóa
- Tiểu phụ lục 2-A-5 Hàng hóa loại trừ khỏi định nghĩa hàng tân trang

Mục A – Các điều khoản chung

- Các danh mục cắt giảm thuế trong biểu cam kết của EU và Việt Nam
- Thuế suất ưu đãi của EU theo EVFTA trong bất kỳ trường hợp nào không được cao hơn mức thuế thông thường của EU áp dụng cho hàng hóa có xuất xứ từ Việt Nam vào ngày trước ngày EVFTA có hiệu lực. Nghĩa vụ này áp dụng từ ngày đó tới năm thứ 7 sau khi Hiệp định có hiệu lực.
- Thời điểm cắt giảm thuế lần đầu tiên và các năm tiếp sau.

Mục B – Hạn ngạch thuế quan

- ***Hạn ngạch thuế quan của EU:*** Cơ chế quản lý; lượng hạn ngạch cụ thể hàng năm của 12 mặt hàng; thuế suất trong hạn ngạch
- ***Hạn ngạch thuế quan của Việt Nam:*** Lượng hạn ngạch, phương thức quản lý; thuế trong và ngoài hạn ngạch.

Kết cấu biểu cam kết thuế nhập khẩu của EU và Việt Nam

- Mã hàng hóa
- Mô tả hàng hóa
- Thuế suất cơ sở
- Danh mục
- Ghi chú (đối với EU)

Tiểu phụ lục 2-A-3 về Biểu cam kết thuế xuất khẩu của Việt Nam

- ***Chú giải chung:*** cơ chế xóa bỏ thuế quan của từng nhóm; thuế suất cơ sở; thời điểm cắt giảm thuế lần đầu tiên và các năm tiếp theo.
- ***Kết cấu biểu cam kết:*** Mã hàng; mô tả hàng hóa; thuế suất cơ sở; mức thuế cuối cùng; và nhóm cắt giảm.

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HIỆP ĐỊNH EVFTA VÀ IPA

Hiệp định EVFTA và IPA được khởi động và kết thúc đàm phán trong bối cảnh quan hệ song phương Việt Nam-EU ngày càng phát triển tốt đẹp, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế-thương mại. EVFTA là một Hiệp định toàn diện, chất lượng cao và đảm bảo cân bằng lợi ích cho cả Việt Nam và EU, trong đó cũng đã lưu ý đến chênh lệch về trình độ phát triển giữa hai bên.

Nếu được đưa vào thực thi, EVFTA sẽ là cú hích rất lớn cho xuất khẩu của Việt Nam, giúp đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng nông, thủy sản cũng như những mặt hàng Việt Nam vốn có nhiều lợi thế cạnh tranh. Những cam kết dành đối xử công bằng, bình đẳng, bảo hộ an toàn và đầy đủ cho các khoản đầu tư và nhà đầu tư của nhau trong Hiệp định IPA cũng sẽ góp phần tích cực vào việc xây dựng môi trường pháp lý và đầu tư minh bạch, từ đó Việt Nam sẽ thu hút nhiều nhà đầu tư hơn đến từ EU và các nước khác.

Về mặt chiến lược, việc đàm phán và thực thi các Hiệp định này cũng gửi đi một thông điệp tích cực về quyết tâm của Việt Nam trong việc thúc đẩy sự hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới trong bối cảnh tình hình kinh tế địa chính trị đang có nhiều diễn biến phức tạp và khó đoán định.

Tiểu phụ lục 2-A-1 Biểu cam kết thuế nhập khẩu của EU

CN 2012		Mô tả hàng hóa	Thuế suất cơ sở	Danh mục	Chú thích
1106		Bột, bột thô và bột mịn, chế biến từ các loại rau đậu khô thuộc nhóm 0713, từ cọ sago hoặc từ rễ, củ hoặc thân củ thuộc nhóm 0714 hoặc từ các sản phẩm thuộc Chương 8			
1106 10 00	-	Từ các loại rau đậu khô thuộc nhóm 0713	7,7	A	
1106 20	-	Từ cọ sago hoặc từ rễ hoặc thân củ thuộc nhóm 0714			
1106 20 10	- -	Bị biến tính	95 EUR/1000 kg	B5	
1106 20 90	- -	Loại khác	166 EUR/1000 kg	B5	
1106 30	-	Từ các sản phẩm thuộc Chương 8			
1106 30 10	- -	Từ chuối	10,9	B3	
1106 30 90	- -	Loại khác	8,3	A	
1107		Malt, rang hoặc chưa rang			
1107 10	-	Chưa rang			
	- -	Từ lúa mì			
1107 10 11	- - -	Dạng bột	177 EUR/1000 kg	A	
1107 10 19	- - -	Loại khác	134 EUR/1000 kg	A	
	- -	Loại khác			
1107 10 91	- - -	Dạng bột	173 EUR/1000 kg	A	
1107 10 99	- - -	Loại khác	131 EUR/1000 kg	A	
1107 20 00	-	Đã rang	152 EUR/1000 kg	A	
1108		Tinh bột; inulin			
	-	Tinh bột			
1108 11 00	- -	Tinh bột mì	224 EUR/1000 kg	B7	
1108 12 00	- -	Tinh bột ngô	166 EUR/1000 kg	B7	
1108 13 00	- -	Tinh bột khoai tây	166 EUR/1000 kg	B7	
1108 14 00	- -	Tinh bột sắn	166 EUR/1000 kg	TRQ	Xem Phụ lục 2-A, Mục B, Tiểu Mục 1, khoản 11
1108 19	- -	Tinh bột khác			

Phụ lục 2-A, Mục A – Các điều khoản chung

PHU LUC 2-A

CÁT GIAM HOAC XOA BO THUÊ QUAN

MỤC A
CAC ĐIÊU KHOAN CHUNG

1. Trừ khi được quy định khác trong Biểu thuế của một Bên của Phụ lục này, các danh mục cắt giảm thuế sau đây được áp dụng theo Điều 2.7 (Cắt giảm hoặc Xóa bỏ Thuế quan) để cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ từ Bên kia theo Phụ lục 2- A-1 (Biểu thuế của Liên minh) và 2-A-2 (Biểu thuế của Việt Nam):

   (a) thuế quan đối với hàng hóa xuất xứ thuộc danh mục "A" trong Biểu thuế của một Bên sẽ được xóa bỏ hoàn toàn và các hàng hóa đó không bị áp thuế quan kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực;

   (b) thuế quan đối với hàng hóa xuất xứ thuộc danh mục "B3" trong Biểu thuế của một Bên sẽ được xóa bỏ dần đều trong 4 năm bắt đầu từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, và hàng hóa sau đó không bị áp thuế quan nữa;

   (c) thuế quan đối với hàng hóa xuất xứ thuộc danh mục "B5" trong Biểu thuế của một Bên sẽ được xóa bỏ dần đều trong 6 năm bắt đầu từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, và hàng hóa sau đó không bị áp thuế quan nữa;

   (d) thuế quan đối với hàng hóa xuất xứ thuộc danh mục "B7" trong Biểu thuế của một Bên sẽ được xóa bỏ dần đều trong 8 năm bắt đầu từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, và hàng hóa sau đó không bị áp thuế quan nữa;

   (e) thuế quan đối với hàng hóa xuất xứ thuộc danh mục "B9" trong Biểu thuế của một Bên sẽ được xóa bỏ dần đều trong 10 năm bắt đầu từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, và hàng hóa sau đó không bị áp thuế quan nữa;

   (f) thuế quan đối với hàng hóa xuất xứ thuộc danh mục "B10" trong Biểu thuế của một Bên sẽ được xóa bỏ dần đều trong 11 năm bắt đầu từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, và hàng hóa sau đó không bị áp thuế quan nữa;

   (g) thuế quan đối với hàng hóa xuất xứ thuộc danh mục "B10*" trong Biểu thuế của Việt Nam sẽ được xóa bỏ dần trong 11 năm bắt đầu từ ngày Hiệp định này có hiệu lực theo lộ trình cắt giảm như bảng dưới đây, và hàng hóa sau đó không bị áp thuế quan nữa:

Mã HS	Năm										
HS 2012	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2203.00.10 2203.00.90	34 %	33 %	32 %	30 %	29 %	25 %	22 %	18%	15 %	11 %	0 %

Phụ lục 2-A, Mục B – Hạn ngạch thuế quan

7. Hàng hóa có xuất xứ được phân loại theo các dòng thuế dưới đây trong Biểu thuế của EU sẽ được miễn thuế trong phạm vi 30 000 tấn/năm dưới dạng gạo đã xay tương ứng:

1006.10.21	1006.20.11	1006.30.21	1006.30.61
1006.10.23	1006.20.13	1006.30.23	1006.30.63
1006.10.25	1006.20.15	1006.30.25	1006.30.65
1006.10.27	1006.20.17	1006.30.27	1006.30.67
1006.10.92	1006.20.92	1006.30.42	1006.30.92
1006.10.94	1006.20.94	1006.30.44	1006.30.94
1006.10.96	1006.20.96	1006.30.46	1006.30.96
1006.10.98	1006.20.98	1006.30.48	1006.30.98

8. Để được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch quy định tại điểm 7, gạo phải thuộc một trong số các loại gạo thơm sau:

   (a) Hoa nhài 85,

   (b) ST 5, ST 20,

   (c) Nang Hoa 9 (*NàngHoa 9*),

   (d) VD 20,

   (e) RVT,

   (f) OM 4900,

   (g) OM 5451, và

   (h) Tai nguyen Cho Dao (*Tài nguyên Chợ Đào*).

9. Danh sách các loại gạo ở điểm 8 có thể được sửa đổi bởi quyết định của Uỷ ban Thương mại phù hợp với điểm 2 của Điều 17.5 (Các sửa đổi).

10. Các lô hàng gạo đáp ứng được quy định hạn ngạch thuế quan theo điểm 7 nên có giấy chứng nhận đúng chủng loại được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nêu rõ gạo thuộc một trong các loại gạo được [illegible]

Tinh bột sắn

11. Hàng hóa có xuất xứ được phân loại theo dòng thuế 1108.14.00 trong Biểu thuế của EU sẽ được miễn thuế trong phạm vi 30 000 tấn/năm.

Tiểu phụ lục 2-A-3 Biểu cam kết thuế xuất khẩu của Việt Nam

BIỂU THUẾ XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

Mã hàng (HS 2012)	Mô tả hàng hóa	Mức thuế cơ sở (%)	Mức thuế cuối cùng (%)	Nhóm
1211.90.14	- - - - Trầm hương, kỳ nam	15	0	B10
1211.90.19	- - - - Trầm hương, kỳ nam	15	0	B10
1211.90.98	- - - - Trầm hương, kỳ nam	15	0	B10
1211.90.99	- - - - Trầm hương, kỳ nam	15	0	B10
2502.00.00	Pirit sắt chưa nung.	10	0	B10*
2503.00.00	Lưu huỳnh các loại, trừ lưu huỳnh thăng hoa, lưu huỳnh kết tủa và lưu huỳnh dạng keo.	10	0	B10*
2504.10.00	- Ở dạng bột hay dạng mảnh	10	0	B10*
2504.90.00	- Loại khác	10	0	B10*
2505.10.00	- Cát oxit silic và cát thạch anh	30	20	B5*b
2505.90.00	- Loại khác	30	20	B5*b
2506.10.00	- Thạch anh	10	0	B10*
2506.20.00	- Quartzite	10	10	S
2507.00.00	Cao lanh và đất sét cao lanh khác, đã hoặc chưa nung.	10	0	B12*
2508.10.00	- Bentonite	10	0	B12*
2508.30.00	- Đất sét chịu lửa	10	0	B12*
2508.40.10	- - Đất hồ (đất tẩy màu)	10	0	B12*
2508.40.90	- - Loại khác	10	0	B12*
2508.50.00	- Andalusite, kyanite and sillimanite	10	0	B12*
2508.60.00	- Mullite	10	0	B12*
2508.70.00	- Đất chịu lửa hay đất dinas	10	0	B12*

Tiểu phụ lục 2-A-3 Biểu thuế xuất khẩu của Việt Nam – Chú giải chung

BIỂU THUẾ XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

Chú giải chung

1. Các nhóm sau đây được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế xuất khẩu, phí hoặc các lệ phí khác (sau đây được gọi là "thuế xuất khẩu") áp dụng đối với hoặc liên quan tới việc xuất khẩu hàng hóa được quy định trong Biểu thuế xuất khẩu của Việt Nam tại Phụ chương này sang lãnh thổ của Bên kia theo Điều 2.11 (Thuế xuất khẩu, phí hoặc các lệ phí khác):

   (a) thuế xuất khẩu đối với hàng hóa thuộc nhóm "B5a" trong biểu thuế tại Phụ chương này sẽ được giảm xuống 10% trong 6 năm cắt giảm bằng nhau, bắt đầu từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, và thuế xuất khẩu đối với những mặt hàng này sau đó sẽ được duy trì ở mức 10%;

   (b) thuế xuất khẩu đối với hàng hóa thuộc nhóm "B5b" trong biểu thuế tại Phụ chương này sẽ được giảm xuống 20% trong 6 năm cắt giảm bằng nhau, bắt đầu từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, và thuế xuất khẩu đối với những mặt hàng này sau đó sẽ được duy trì ở mức 20%;

   (c) thuế xuất khẩu đối với hàng hóa thuộc nhóm "B5*a" trong biểu thuế tại Phụ chương này sẽ được duy trì ở mức mức thuế cơ sở trong 5 năm đầu kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, sau đó những mặt hàng này sẽ được miễn hoàn toàn thuế xuất khẩu;

   (d) thuế xuất khẩu đối với hàng hóa thuộc nhóm "B5*b" trong biểu thuế tại Phụ chương này sẽ được duy trì ở mức thuế cơ sở trong 5 năm đầu kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, và thuế xuất khẩu đối với những mặt hàng này sau đó sẽ được duy trì ở mức 20%;

   (e) thuế xuất khẩu đối với hàng hóa thuộc nhóm "B7*" trong biểu thuế tại Phụ chương này sẽ được duy trì ở mức thuế cơ sở trong 7 năm đầu kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, sau đó những mặt hàng này sẽ được miễn hoàn toàn thuế xuất khẩu;

   (f) thuế xuất khẩu đối với hàng hóa thuộc nhóm "B10" trong biểu thuế tại Phụ chương này sẽ được xóa bỏ trong 11 năm cắt giảm bằng nhau, bắt đầu từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, sau đó những mặt hàng này sẽ được miễn hoàn toàn thuế xuất khẩu;

   (g) thuế xuất khẩu đối với hàng hóa thuộc nhóm "B10*" trong biểu thuế tại Phụ chương

XIN CÁM ƠN!